TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 287/2019/HN-ST
Ngày: 10/6/2019
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

Ông **Mai Lưu Quốc Đạt**.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Nguyễn Dương Kim Cương –** cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn**: Trần Ngọc Đ,** sinh năm 1988.

Cư trú: ấp 3, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Đỗ Hữu T**, sinh năm 1986.

Cư trú: ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Chị Đ có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Ngọc Đ trình bày:

Chị và anh Đỗ Hữu T tự nguyện cưới nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/02/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06/2017, sau khi chị sinh con được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh Thiện thay đổi tính tình, không quan tâm chăm sóc vợ con và anh thường xuyên nhắn tin hẹn hò với người phụ nữ khác, chị đã phát hiện. Chị đã nhiều lần

khuyên can và hàn gắn tình cảm nhưng anh T không thay đổi mà thường xuyên gây gỗ, cự cãi với chị nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày 24/3/2016, ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ khai không có.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh T trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Đ về thời gian, điều kiện kết hôn và có một con chung. Anh cho rằng, ngoài mâu thuẫn chi Đ trình bày, thì chị Đ còn qua lại với người đàn ông khác bên ngoài, anh đã chứng kiến nên lớn tiếng, đập phá đồ đạc trong nhà. Anh muốn hàn gắn tình cảm nhưng chị Đ cương quyết không đồng ý. Những ngày làm việc bình thường thì anh ở nhà mẹ tại ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, những ngày cuối tuần thì anh chở con về nhà riêng của chị Đ. Nay, chị Đ yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trần Bảo N, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Ngọc Đ và anh Đỗ Hữu T tự nguyện tổ chức cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 22/02/2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Đ xin ly hôn nguyên nhân do anh T thay đổi tính tình, không quan tâm chăm sóc vợ con và anh thường xuyên nhắn tin hẹn hò với người phụ nữ khác, chị phát hiện. Chị đã nhiều lần khuyên can và hàn gắn tình

cảm nhưng anh T không thay đổi mà thường xuyên gây gỗ, cự cãi với chị nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 07/5/2019, anh T cũng thừa nhận những mâu thuẫn nêu trên, đồng thời anh cho rằng chị Đ còn qua lại với người đàn ông khác bên ngoài, anh đã chứng kiến nên lớn tiếng, đập phá đồ đạc trong nhà. Xét thấy, mâu thuẫn anh chị là có xảy ra nhưng không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và thời gian ly thân dài nên yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014

[3] Về con chung: Chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày 24/3/2016 hiện đang sống với chị. Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị Đ là có cơ sở bởi lẽ, cháu N do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về chổ ở và tâm lý nên cần tiếp tục giao chi chị Đ nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ, anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc Đ.***

- Về tình cảm: Cho chị Trần Ngọc Đ được ly hôn với anh Đỗ Hữu T.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày 24/3/2016 cho chị Trần Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng; chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ, anh T khai không có

**** Về án phí HNST:***

Chị Trần Ngọc T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0015820 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Đ đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự;
- UBND xã Tam Hiệu, Châu Thành;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình